

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/8/2025.

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con giữa chị Anh và anh Huyền”*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Bà Vương Thị Hội.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND)
huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) khu vực 14 – Gia Lai tham gia
phiên tòa:*** Ông Huỳnh Quốc Thành - Kiểm sát viên (KSV).

Trong ngày 22/8/2025, tại trụ sở TAND khu vực 14 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 106/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2025 về tranh chấp: ***“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đậu Thị Kim A, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn C, xã K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Ngô Đức H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn C, xã K, tỉnh Gia Lai.

Chị A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đậu Thị Kim A và anh Ngô Đức H qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 12/12/2014.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị A trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau,

khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong cách sống của mỗi người, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau nữa nên cuộc sống vợ chồng ngày càng nặng nề, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, không tôn trọng nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được; do mâu thuẫn không thể hoá giải được nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Chị A và anh H có 01 con chung tên Ngô Thị Anh V, sinh ngày 29/9/2014. Sau khi ly hôn, chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Ngô Đức H: Quá trình giải quyết vụ án, anh H luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 25/7/2025, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng anh H đã vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, anh lại tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Ngô Đức H – Đậu Thị Kim A (*bản chính*), 01 Căn cước công dân mang tên Đậu Thị Kim A (*bản photo*), 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Ngô Đức H (*bản sao*) và 01 Giấy khai sinh mang tên Ngô Thị Anh V (*bản photo*).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị A và anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 12/12/2014; anh chị có 01 con chung tên Ngô Thị Anh V, sinh ngày 29/9/2014. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị A giao nộp là Giấy đăng ký kết hôn mang tên Đậu Thị Kim A – Ngô Đức H (*bản chính*) cùng Giấy khai sinh mang tên Ngô Thị Anh V (*bản photo*).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND khu vực 14 - Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; các Điều 28, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015 ; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đậu Thị Kim A, xử cho chị A được ly hôn với bị đơn anh Ngô Đức H.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Ngô Thị Anh V, sinh ngày 29/9/2014 cho chị A nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành và có khả năng lao động; do chị A không yêu cầu nên anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị A và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét.

- *Về án phí*: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm (LHST) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng dân sự*: Chị Đậu Thị Kim A có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai trước đây, nay là TAND khu vực 14 - Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Ngô Đức H. Theo quy định tại Điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 14 - Gia Lai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ quy định tại các Điều 227 và 228 của BLTTDS năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đậu Thị Kim A và anh Ngô Đức H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 12/12/2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị A trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong cách sống của mỗi người, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau nữa nên cuộc sống vợ chồng ngày càng nặng nề, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, không tôn trọng nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được; do mâu thuẫn không thể hoá giải được nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Về phía bị đơn anh H đã luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức nên việc hòa giải cho anh chị đoàn tụ gia đình không thực hiện được. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật HN&GD năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh H.

[3] *Về con chung*: Chị A và anh H có 01 con chung tên Ngô Thị Anh V, sinh ngày 29/9/2014. Sau khi ly hôn, chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đề nghị này của chị A là phù hợp

với nguyện vọng của cháu V cũng như điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay của anh chị khi cháu V đang ở với chị A, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đề nghị của nguyên đơn, giao con chung cho chị A nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị A không yêu cầu nên anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] ***Về tài sản chung và nợ chung:*** Theo chị A thì chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết; vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] ***Về án phí LHST:*** Chị A phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đậu Thị Kim A, xử cho chị A được ly hôn với bị đơn anh Ngô Đức H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Thị Anh V, sinh ngày 29/9/2014 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu V trưởng thành, có khả năng lao động; do chị A không yêu cầu nên anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Đậu Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0002570 ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Gia Lai); chị A đã nộp đủ án phí LHST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 14-Gia Lai;
- THADS tỉnh G;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM ND

THẨM PHÁN-CTPT

Nơi nhận:

THẨM

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên

